

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 9 - 2021
V/v Tranh chấp về cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Hân;

Ông Châu Văn Khoẻ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06/7/2021 về Tranh chấp về cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ĐKNKTT: Tổ X, phường M X, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Đang ở: Tổ Y, phường H Th, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn N H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn đề nghị xử vắng mặt chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Văn T trước kia là vợ chồng nhưng do mâu thuẫn nên đã ly hôn từ năm 2008. Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc Th, sinh ngày 05/01/2006. Khi ly hôn Toà án giao cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Th, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng. Từ khi ly hôn đến nay chị đã 02 lần đề nghị thay đổi cấp dưỡng và được Toà án chấp nhận. Lần thay đổi cấp dưỡng gần đây nhất là ngày 20/8/2014, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/ 1 tháng.

Từ đó đến nay là đã hơn 07 năm. Vừa qua cháu Th đã thi đỗ vào lớp chuyên Toán của Trường PTTH Chuyên tỉnh Tuyên Quang.

Để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu được tốt chị đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng mà anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Th là từ 1.000.000đ/ tháng thành 3.000.000 đ/ tháng.

Lý do yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng là cháu đã lớn hơn trước kia; học tập ở cấp cao hơn; môi trường học, sinh hoạt ở thành phố Tuyên Quang cần chi phí nhiều hơn. Thu nhập của anh T đã cao hơn nhiều so với trước kia (Thu nhập là khoảng 12.149.000đ/1 tháng). Thu nhập của chị là 8.253.733đ/ tháng.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Tú, tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T không đến Toà án để là việc.

Kết quả xác minh:

Công an viên tổ dân phố K, trị trấn N H – Ông Nguyễn Đình B cho biết: Anh Vũ Văn T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại tổ dân phố K, thị trấn N H. Anh T là chủ hộ gia đình có 03 nhân khẩu. Trong hộ ngoài anh T thì có chị Ma Thị B, sinh năm 1984, là vợ anh Tú; Cháu Vũ Gia L, sinh năm 2012 là con anh T và chị B. Về nghề nghiệp ông biết anh T, chị B đều là giáo viên.

Hiệu Trưởng Trường THCS Dân tộc Bán trú xã Khâu Tinh – Ông Phùng Văn N cho biết: Anh T đến công tác tại Trường Khâu Tinh từ tháng 11/2019. Về mức thu nhập - Tổng mức thu nhập của anh T (Bao gồm Lương và các phụ cấp khác là 12.880.752 đ. Sau khi trừ các khoản theo quy định (Trong đó có trừ khoản cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ – theo quyết định của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Hang) thì số tiền thực lĩnh là 11.149.000đ,

Hiệu Trưởng Trường THCS Bình An, huyện Lâm Bình – Ông Châu Văn G cho biết: Kiểm tra Bảng Th toán tiền lương tháng 6 năm 2021: Tổng mức thu nhập của chị Ma Thị B (Bao gồm tiền lương và các phụ cấp khác) là 10.371.433 đ. Sau khi trừ các khoản theo quy định thì số tiền thực lĩnh là 9.853.576 đ.

Giáo viên chủ nhiệm lớp 9 Toán – Trường PTTH Chuyên Tuyên Quang cho biết các khoản tiền chi bắt buộc và các khoản tiền cần cho học sinh học tại trường Chuyên như sau:

+ Khoản chi bắt buộc:

Học phí: 155.000đ/ tháng x 9 tháng = 1.395.000đ;

Học phí buổi 2: 300.000đ/ tháng x 9 tháng = 2.700.000đ;

Tiền mua Bảo hiểm y tế: 550.000đ/ năm;

Tiền điện: 20.000đ/ tháng x 10 tháng = 200.000đ;

+ Khoản cần thiết khác:

Sách giáo khoa: 300.000đ/ bộ;

Áo đồng Phục:

Cháu Th đăng ký đặt các loại áo với số tiền: 500.000đ

Vở viết: 400.000đ/ năm;

Tiền mua Bảo hiểm thân thể: 80.000đ/ năm;

Tiền gửi xe: 230.000đ/năm;

Giấy kiểm tra:

100.000đ /năm;

Xác minh với Tổ Trưởng tổ X, phường H Th, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang – bà Nguyễn Thị Kim H cho biết: Chồng của chị Đỗ Thị H hiện nay là anh Vũ Đình L. Anh L trước đây có 01 đời vợ nhưng vợ trước của anh L đã chết do bị bệnh. Anh L có 01 con riêng năm nay đang đi học chuyên nghiệp. Anh L kết hôn với chị H được khoảng 4, 5 năm. Sau khi kết hôn thì chị H và cháu Vũ Ngọc Th về ở cùng anh L tại tổ X, phường H Th. Anh L và chị H có 01 con chung năm nay 04 tuổi. Anh L làm nghề kinh doanh vận tải ô tô du lịch. Trong 02 năm nay do dịch bệnh nên xe ô tô của anh L không có khách. Về thu nhập của anh L như thế nào bà không xác định được.

Xác minh với cán bộ Văn phòng – Thống kê của phường H Th, thành phố Tuyên Quang – Bà Nguyễn Thị Thu Ph cho biết thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn phường H Th năm 2020 là trên 58.000.000đ/ 1 người / 1 năm (Tương ứng 4.833.333đ/ tháng)

Trường Tiểu học thị trấn Na Hang (Nơi con của anh T– cháu Vũ Gia L đang theo học) cho biết các khoản tiền chi bắt buộc và các khoản tiền cần cho cháu L như sau:

Sách giáo khoa:	429.000đ/ bộ;
Mua vở:	240.000đ/ năm;
Bảo hiểm y tế:	563.220đ/ năm;
Quần, áo đồng phục:	365.000đ/năm
Bảo hiểm thân thể:	80.000đ/ năm;
Tiền điện, nước:	70.000đ;
Tiền sở liên lạc điện tử:	40.000đ/năm.

Xác minh với cán bộ Văn phòng – Thống kê của UBND thị trấn N H – Bà Quan Thị M cho biết thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn thị trấn N H năm 2020, 2021 là 35.000.000đ/ 1 người / 1 năm (Tương ứng 2.816.666 đ/ tháng)

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do chị H cung cấp về thu nhập của chị H; Kết quả xác minh về công việc của anh Vũ Đình L, về con chung, con riêng của anh L với chị H; Kết quả xác minh thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn phường H Th, thành phố Tuyên Quang; Về thu nhập của anh Vũ Văn T, thu nhập của chị Ma Thị B (Vợ anh T), số nhân khẩu trong gia đình T hiện tại; chi phí cho việc học tập tại trường THPT Chuyên tỉnh Tuyên Quang; chi phí cho việc học tập tại trường Tiểu học thị trấn Na Hang và xét về điều kiện, chi phí của mức sống

tại đô thị là tỉnh lỵ của tỉnh Tuyên Quang; Căn cứ các Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của chị Đỗ Thị H, buộc anh Vũ Văn T phải cấp dưỡng cho cháu Vũ Ngọc Th là 2.400.000 đ/1 tháng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị Đỗ Thị H được miễn án phí.

Anh Vũ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch

Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị H nộp các tài liệu: Bản án số 08/2014/HNGĐ –ST của Tòa án nhân dân huyện Na Hang; Bản sao giấy khai sinh của cháu Th, Bản sao sổ hộ khẩu, Bảng lương của chị H, Bản ảnh Bảng lương của anh T.

Tòa án thu thập: Biên bản xác minh với Tổ dân phố K thị trấn N Hg, Trường THCS Bán trú xã Khâu Tinh huyện Na Hang; Trường THCS xã Bình An, huyện Lâm Bình; Trường THPT Chuyên Tuyên Quang; Tổ dân phố X, phường H Th, thành phố Tuyên Quang; Ủy ban nhân dân phường H Th, thành phố Tuyên Quang; Trường Tiểu học thị trấn Na Hang; Ủy ban nhân dân thị trấn Na Hang, huyện Na Hang.

Chị Đỗ Thị H và anh Vũ Văn T không thống nhất với nhau về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Anh Vũ Văn T cư trú tại tổ dân phố K, thị trấn N H, huyện Na Hang. Chị Đỗ Thị H có khởi kiện đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung say khi ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Tòa án thông báo phiên hòa giải để tiến hành hòa giải tranh chấp nhưng anh T không đến nên không hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Đến ngày xét xử lần 1 anh T vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Đến ngày xét xử lần 2 anh T vắng mặt; chị H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 207, 228, 238 BLTTDS Tòa án xét xử vụ án.

[3] Anh Vũ Văn T và chị Đỗ Thị H trước kia là vợ chồng nhưng đã ly hôn năm 2008. Khi ly hôn Tòa án quyết định giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Vũ Ngọc Th, sinh ngày 05/01/2006; Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 400.000 đ/ tháng. Năm 2010 chị H đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện, hoà giải không được nên Tòa án xét xử, quyết định mức cấp dưỡng là 700.000đ/ tháng. Năm 2014 chị H khởi kiện đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện, hoà giải nhưng không thành. Tòa án căn cứ vào mức thu nhập của anh T khi đó là 5.141.252 đ và thu nhập của chị H khi đó là 5.149.000đ để thay đổi mức cấp dưỡng từ 700.000đ/ tháng lên thành 1.000.000đ/ tháng.

Từ ngày Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng đến nay đã là hơn 07 năm. Thu nhập của chị H, anh T đều đã tăng (Anh T tăng gần 150%, chị H tăng gần 60%). Chi phí cho việc ăn, học, sinh hoạt khác đều tăng theo mức lạm phát. Cháu Vũ Ngọc Th cũng

đã lớn lên hơn 07 tuổi. Theo học ở cấp học phổ thông cao nhất tại trường Chuyên, nằm ở trung tâm thành phố Tuyên Quang; sinh sống ở phường H Th cũng là một trong các phường Trung tâm ở thành phố Tuyên Quang.

Việc các kết quả xác minh trên thì xác định được mức thu nhập của những người có trách nhiệm chi phí nuôi cháu Th là chị H và anh Tú. Ngoài ra còn xác định được thu nhập của chị H, anh T còn phải nuôi dưỡng những ai. Tuy nhiên còn nhiều chi phí phục vụ cho cuộc sống của cháu Th như chi phí đi lại, ăn, mặc, chi phí vui chơi, giải trí, ... thì không có cơ sở xác minh ở đâu do đó quyết định mức cấp dưỡng còn căn cứ vào thu nhập bình quân đầu người địa bàn nơi cháu Th sinh sống. Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2020 để làm căn cứ xem xét cùng các chứng cứ khác. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 tính theo tháng tại địa bàn phường H Th là 4.833.333đ/người/tháng.

Đối với anh T ngoài việc có trách nhiệm cùng đóng góp nuôi cháu Th thì hiện nay anh T đang cùng vợ là chị Ma Thị B cùng nuôi dưỡng 01 con chung. Hiện tại con của anh T, chị B đang theo học tại Trường Tiểu học thị trấn Na Hang. Kết quả xác minh xác định được các chi phí cần đóng góp cho việc học tập của con thứ 2 của anh T ít hơn nhiều so với chi phí cho cháu Th. Mức thu nhập bình quân đầu người tại địa bàn thị trấn Na Hang là 2.816.666 đ/ tháng.

Như vậy nếu xác định mức chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng con thứ 2 của anh T là 2.800.000đ/ tháng thì anh T phải đóng góp là 1.400.000đ, còn mẹ của cháu đóng góp là 1.400.000đ. Xác định mức chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th là 4.800.000đ/ tháng thì anh T phải đóng góp là 2.400.000đ, còn chị H đóng góp là 2.400.000đ. Tổng chi phí anh T phải chi phí để nuôi các con là 3.800.000đ (1.400.000đ + 2.400.000đ). Như vậy sau khi trừ chi phí nuôi con anh T vẫn có khoản thu nhập chi tiêu cho cuộc sống của anh T là: 12.880.752 đ - 3.800.000đ = 9.080.752 đ

Từ các phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng chi phí cho việc ăn, học, đi lại, vui chơi, giải trí và các nhu cầu khác cho cháu Th là 4.800.000đ. Do đó cần xác định mức cấp dưỡng mà anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th là 2.400.000đ/ tháng. Vì vậy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H

[4] Về án phí: Chị Đỗ Thị H là người đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nên được miễn án phí. Anh Vũ Văn T là người phải cấp dưỡng và cấp dưỡng với mức tiền cấp dưỡng cao hơn so với trước nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 207, 228, 235, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của chị Đỗ Thị H .

Tuyên xử:

1. Buộc anh Vũ Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Ngọc Th, sinh ngày 05/01/2006 cùng chị Đỗ Thị H với mức cấp dưỡng là 2.400.000 đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)/1 tháng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2021.

Mức cấp dưỡng này thay cho mức cấp dưỡng tại bản án số 08/2014/HNGĐ-ST ngày 20/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Khoản tiền cấp dưỡng, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

3. Chị Đỗ Thị H và anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Hân

Châu Văn Khoẻ

Phan Anh Thành

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành

